

So sánh con chữ và cách viết chữ Quốc ngữ trong một số bản viết tay của người Việt Nam vào năm 1659 với con chữ và cách viết chữ Quốc ngữ hiện nay

• **Nguyễn Hữu Chương**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT

Bài viết này nhận xét về con chữ cái, cách viết chữ Quốc ngữ của hai người Việt Nam vào năm 1659 là Igesico Văn Tín và Bento Thiện trong các bản viết tay: (1) Bức thư của Igesico Văn Tín gửi linh mục F.G.Marini, 1659, (2) Bức thư của Bento Thiện gửi linh mục F.G.Marini, 1659 và (3) Tập “Lịch sử nước An Nam” của Bento Thiện. So với hệ thống các con chữ và

cách viết chữ Quốc ngữ ở nước ta hiện nay, chúng tôi thấy có những điểm khác về con chữ, các dấu phụ và cách viết. Nguyên nhân có thể là do thời kỳ đó cách phát âm tiếng Việt ít nhiều có khác hiện nay, việc xác định các âm vị cũng chưa được chính xác, qui ước cách viết cho từng con chữ, dấu phụ cũng có khác hiện nay.

Từ khóa: chữ cái, dấu thanh điệu, các dấu phụ khác

1. Đặt vấn đề

Trong cuốn “Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659” của tác giả Đỗ Quang Chính¹ chúng tôi thấy tác giả cho in nguyên bản và dịch ra chữ Quốc ngữ hiện nay ba tài liệu viết tay bằng chữ Quốc ngữ vào năm 1659 của hai người Việt Nam là Igesico Văn Tín và Bento Thiện. Nhờ có bản dịch của Đỗ Quang Chính, chúng tôi đọc nguyên bản và nhận thấy rằng về con chữ và cách ghép các con chữ thành vần, thành chữ (âm tiết) ít nhiều có khác với con chữ và cách viết chữ Quốc ngữ trong cuốn Từ điển Việt - Bồ - La 1651 của A. de Rhodes², và có những điểm khác so với con chữ và cách viết chữ Quốc ngữ hiện

nay. Việc khảo sát các văn bản viết chữ Quốc ngữ giai đoạn mới sáng tạo và dùng thử nghiệm (1620-1659) sẽ cho ta thấy được một cách cụ thể hơn quá trình đặt chữ viết, diện mạo hệ thống các âm vị tiếng Việt giai đoạn đó, cách xác định âm vị để đặt chữ viết và đây cũng là một cách để chúng ta định hướng, cân nhắc khi lựa chọn để đưa những con chữ mới như: z, j, f, w vào bộ chữ cái Quốc ngữ hiện nay.

2. Vài nét về tác giả và văn bản chữ Quốc ngữ viết tay năm 1659

2.1. Về thầy giảng Igesico Văn Tín và lá thư viết tay bằng chữ Quốc ngữ của ông

Theo Đỗ Quang Chính³, Igesico Văn Tín là thầy giảng (tạm hiểu là người giúp việc cho linh mục công giáo). Igesico là tên thánh, Văn Tín là đệm và

¹ Đỗ Quang Chính (1972), *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659*, Sài Gòn.

² A.de Rhodes (1991), *Từ điển Annam_Lusitan_Latinh* (Thường gọi Từ điển Việt - Bồ - La), phiên dịch: Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính, Nxb Khoa học Xã hội.

³ Đỗ Quang Chính (1972), *Sdd*, tr. 92-98.

tên Việt, còn họ là gì thì không biết. Không có tài liệu nào cho biết tuổi, quê quán, hoạt động của Văn Tín. Tài liệu bằng chữ Quốc ngữ nói đến ở đây là bức thư của Văn Tín viết ngày 12 tháng 9 năm 1659 gửi cho linh mục Gio Filippo de Marini, hiện lưu trữ tại Văn khố Dòng Tên La Mã – ARSI, JS.8I,f.247 rV. Linh mục G.F.de Marini đã rời Đàng Ngoài (miền Bắc) tháng 7 năm 1658 đi Ma Cao sau đó đi La Mã⁴.

Thư của Văn Tín chỉ dài có hai trang giấy, tổng cộng có 46 dòng chữ, trong Văn khố Dòng Tên La Mã đã nêu ở trên, thư này được đánh số trang ở mặt trước là 247, mặt sau không đánh số trang. Để tiện tra cứu chúng tôi ghi số trang cho mặt sau là 247'. Thư này không viết rõ viết đi từ đâu nhưng theo các sự kiện trong thư thì Đỗ Quang Chính đoán ông viết ở Đàng Ngoài.

2.2. Về thầy giảng Bento Thiện và hai tài liệu chữ Quốc ngữ viết tay của ông

Theo Đỗ Quang Chính⁵, Bento Thiện là thầy giảng. Bento là tên thánh, Thiện là tên Việt. Lai lịch thế nào thì không rõ. Bento Thiện là người đầu tiên được linh mục Marques hoặc A.de Rhodes rửa tội ở Đàng Ngoài.

Tài liệu thứ nhất của Bento Thiện là lá thư viết tay dài 2 trang viết ngày 25 tháng 10 năm 1659 từ Thăng Long gửi cho linh mục Gio Filippo de Marini (trong thư viết là Philipe Marini). Hiện bức thư này lưu trữ tại Văn khố Dòng Tên La Mã – ARSI, JS.8I, f.246. Vì mặt trước, khi lưu trữ được đánh số trang là 246 còn mặt sau không đánh nên để tiện tra cứu chúng tôi ghi mặt sau là 246'.

Tài liệu thứ hai là tập “Lịch sử nước An Nam” (tên do Đỗ Quang Chính đặt), viết năm 1659 tại Thăng Long, dài 12 trang giấy, từ trang 254-259, hiện lưu trữ tại Văn khố Dòng Tên La Mã – ARSI, JS.8I, f.254-259. Cũng như thư trên, vì khi lưu trữ, các trang chỉ đánh số ở mặt trước, mặt sau không

đánh nên để tiện tra cứu, ở mặt sau chúng tôi sẽ dùng dấu phẩy, chẳng hạn 254'.

3. So sánh con chữ, cách ghép con chữ, dấu thanh điệu, dấu phụ trong các bản viết tay vào năm 1659 với con chữ và cách ghép con chữ trong chữ Quốc ngữ hiện nay

Chúng tôi dựa vào cấu trúc âm tiết tiếng Việt hiện nay là:

TĐ			
C	W	V	C

và hệ thống các âm vị với: 6 thanh điệu, 22 phụ âm đầu, 2 âm đệm, 16 nguyên âm, 9 âm cuối do Đoàn Thiện Thuật⁶ nêu ra làm cơ sở so sánh.

3.1. So sánh con chữ và cách ghép phụ âm đầu với phần vần

Tiếng Việt hiện nay có 22 phụ âm đầu. So sánh con chữ Quốc ngữ ghi âm đầu trong ba bản viết tay đã nêu với con chữ Quốc ngữ ghi âm đầu hiện nay, chúng tôi thấy có 13 âm vị được cả hai tác giả Văn Tín và Bento Thiện dùng con chữ và cách viết giống hiện nay. Đó là con chữ ghi các âm vị: /m-/ , /t-/ , t^c- / , /n-/ , /s-/ , /ʃ-/ , /z-/ , /ç-/ , /ɲ-/ , /ŋ-/ , /ɣ-/ , /h-/ , /ʔ-/. Có 9 âm vị có khi dùng con chữ giống, có khi dùng con chữ khác tùy theo từ. Đó là các âm vị: /b-/ , /f-/ , /v-/ , /t̚-/ , /d-/ , /z-/ , /l-/ , /k-/ , /ʁ-/. Trong các văn bản bằng chữ Quốc ngữ này, chúng tôi thấy một âm vị có thể dùng mấy con chữ (giống như hiện nay), chẳng hạn /ă/ có khi viết là ă, chẳng hạn: *b ắ t n g t a*, 255 (bắt người ta); *m ộ t n ă m*, 255; có khi viết là a, chẳng hạn: *b a n g ầ i*, 255 (ba ngày) (những con số chú thích ở sau từ dùng để chỉ số trang của từ được trích dẫn).

Sau đây là phần so sánh những âm vị có con chữ viết khác. Chúng tôi cố gắng tìm những con chữ giống nhất với con chữ trong văn bản gốc. Các từ trong văn bản gốc hay bị viết sai về dấu phụ, về thanh điệu và viết không thống nhất, Ví dụ: *Thầi*, 246 và *thầy*, 246. Tuy nhiên khi trích dẫn, chúng tôi ghi đúng như văn bản gốc.

⁴ Đỗ Quang Chính (1972), Sdd, tr. 108.

⁵ Đỗ Quang Chính (1972), Sdd, tr. 98-129.

⁶ Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội.

(1). Âm vị /b-/:

Hiện nay ta viết bằng con chữ b, B, b, B. Văn Tín viết bằng con chữ: *b*. Ví dụ: *bú*, 247 (bú); *bái giờ*, 247 (bây giờ); *bên* *ĩ*, 247 (bên ấy), v.v. Bento Thiện viết bằng *b*, B, B (đúng ra là chữ B có gạch ở dưới như chữ B này). Ví dụ: *biết*, 246 (biết); *bên* *ỹ*, 246 (bên ấy); *Bà*, 246; *Bua*, 254 (vua), v.v.. A.de Rhodes 1651⁷ dùng chữ “b, B”. Ví dụ: bà, bác.

(2) Âm vị /f-/:

Hiện nay ta viết bằng con chữ ph, Ph, ph, Ph. Văn Tín viết bằng các con chữ: **ph** (gần giống chữ viết tay thường hiện nay), *ph*, *ph*. Ví dụ: *phù* *hộ*, 247 (phù hộ); *pháy*, 247 (phải); *phá*, 247 (phá); *phuong* *Khác*, 247 (phương khác), *Jojaphat*, v.v. Bento Thiện viết *fh*, *Ph*. Ví dụ: *phù* *hộ*, 246 (phù hộ); *fhạt*, 254'; *fhế* *tắt*, 255 (phép tắc); *Phuơng* *thiên* *phủ*, 259 (Phượng thiên phủ), v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng chữ “ph, PH”. Ví dụ: phù hộ.

(3) Âm vị /v-/:

Hiện nay ta viết bằng con chữ v, V, v, V. Văn Tín viết bằng các con chữ: *v*, *ε*, *V*. Ví dụ: *và*, 247; *về*, 247 (về); *bua* *Vĩng* *lịc*, 247 (vua Vĩnh Lịch); *εãi*, 247 (vậy); *εua*, 247 (vua), v.v. Bento Thiện viết *v*, *ε*, *V*. Ví dụ: *về*, 246; *vì*, 246; *εãi*, 246 (vậy); *εào* *ban* *ngài*, 246 (vào ban ngày); *oũ* *εai*, 257 (ông vãi); *εoy*, 257 (voi), *Vĩng* *d* *inh*, 256 (Vĩnh Định), *Khôũ* *Vân*, 257' (Khổng Vân), v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng chữ *h* (*ε*), v. Ví dụ: *hế* *ào* (vào) / *εế* *ào* (vào), vậy, vãn.

(4) Âm vị /t-/:

Hiện nay ta viết bằng con chữ: **tr**, **Tr**, tr, Tr. Văn Tín viết bằng các con chữ: **tr**, **tl**, **bl**. Ví dụ: *Khách* *trở*, 247 (cách trở); *oũ* *chương* *trà*, 247 (ông chương Trà); *tlẽ* *về*, 247 (trầy về); *tlốu* *nhớ*, 247 (trông nhớ); *tlao* *ái*, 247 (trong ấy); *lay* *blở* *lay*, 247' (lại trở lại); *đ.C.bloú*, 247' (Đức chúa trời), v.v.. Bento Thiện viết **tr**, **tl**, **bl**. Ví dụ: *truien* *bên* *nài*, 246 (truyện bên này); *trị*, 255; *trăm*, 256; *trâu*, 257'; *bánh* *trôy*, 257 (bánh trôi); *đi* *chân* *tlâu*, 254' (đi

chân trâu); *tlâu* *bò*, 259 (trâu bò); *con* *blay*, 255 (con trai); *đao* *blòy*, 255 (đạo trời); *blay* *gái*, 256 (trai gái), v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] viết bằng con chữ tr. Ví dụ: trầm hương, trang nghiêm.

(5) Âm vị /d-/:

Hiện nay ta viết bằng con chữ: *d*, **D**, d, D. Văn Tín viết bằng con chữ *d*. Ví dụ: *d* *á*, 247 (đã); *d* *én* *Macao*, 247; *tram* *d* *àng*, 247 (trăm đàn), v.v.. Bento Thiện cũng viết là *d*. Ví dụ: *d* *ao*, 246 (đạo); *d* *én* *noy*, 246 (đến nơi); *d* *i*, 257; *d* *ất* *rùng*, 257, v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] viết là “đ, Đ”. Ví dụ: chim đa đa.

(6) Âm vị /z-/:

Hiện nay ta viết bằng chữ: *d*, **D**, d, D, gi, Gi, **gi**, **Gi**. Văn Tín viết bằng các con chữ: *đ* (chữ cái này chỉ gần giống chữ ở bản gốc vì chữ ở bản gốc cao hơn một chút), gi, **j**, **J**. Ví dụ: *đai* *đỏ*, 247 (dạy dỗ); *bai* *giờ*, 247 (bây giờ); *có* *giac* *hu* *nu*, 247 (có giặt hu nu); *jo* *japhat*, 247; *d*. C.J, 247' (Đức chúa Jesu). Bento Thiện viết: *đ*, **D**, *gi*. Ví dụ: *đai* *đỏ*, 246 (dạy dỗ); *đu* *mà* *có* *fư* *gì* *lạ*, 246; *đân*, 255 (dân), *lẻ* *Bā* *Thánh* *Daria* (Lễ Bà Thánh Daria); *giach*, 246 (giặt), v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng chữ *d*, **D**, gi. Ví dụ: đại gái, tháng giêng.

(7) Âm vị /l-/:

Hiện nay ta viết *l*, **L**, l, L. Văn Tín viết bằng các con chữ **l**, **L**, *ml*. Ví dụ: *ở* *lay*, 247 (ở lại); *faố* *le*, 247 (song le); *lã*, 247; *Lại* *on* *d*. C. B, 247 (lạy ơn Đức chúa Blời); *lẽ* *biết* *một* *mlòy* (sẽ viết một lời). Bento Thiện viết bằng các con chữ: **l**, **l**, *ml*. Ví dụ: *lã*, 246; *lãm* *εãi*, 246 (lầm vậy); *lí* *nhân* *phủ*, 258'; *tôy* *phải* *lãm* *một* *hai* *mlòy* *sang* *lại* *on* *thầi*, 246 (tôi phải làm một hai lời sang lạy ơn thầy). A.de Rhodes, 1651 [4] dùng **l**, **L**, *ml*. Ví dụ: lột áo; đi qua mắc chóc (đi qua lắc chóc (đầu)).

(8) Âm vị /k-/:

Hiện nay ta dùng các con chữ: *c*, **C**, *k*, **K**, *k*, **K**, *q*, **Q**, *q*, **Q**. Văn Tín dùng các con chữ: *c*, *k*, *q*. Cách ghép vần, chữ giống hiện nay. Ví dụ: *có*, 247; *Kẻ* *có* *toy* *nheũ*, 247 (Kẻ có tội nhiều); *chung* *nhaõ* *lãm* *quan*, 247 (chung nhau làm quan (đám tang)), v.v..

⁷ A.de Rhodes (1991), Sdd.

BentoThiện dùng các con chữ: *c, k, q, ɸ*. Cách ghép vần, chữ có trường hợp khác hiện nay. Ví dụ: *cũ*, 255' (cùng); *con*, 256; *nhã quẽ*, 255', 256'; *quát nguien*, 257 (Khất Nguyên); *Kênh lịch*, 256 (Cảnh Lịch); *Kẻ chợ*, 256', v.v.. Có một số từ viết khác hiện nay: *fai cuốn phạt Bua hồ*, 255' (sai quân phạt vua Hồ); *cuôn nhã Mạc*, 256' (quân nhà Mạc); *Kua d âi lục bộ lục Kua*, 256 (khoa đài lục bộ lục khoa). A.de Rhodes [4] cũng viết *c, k, q*, tuy nhiên cách ghép có trường hợp khác ta hiện nay. Ví dụ: *cuôn* (bua), *cuộn* (cối), *quận* (công).

(9) Âm vị /ɣ-/:

Hiện nay ta dùng con chữ: *g, G, gh, Gh, g, G, gh, GH*. Cả Văn Tín và Bento Thiện đều dùng con chữ *g* để ghi âm / ɣ-/, không thấy dùng *gh* khi đặt trước các nguyên âm dòng trước /i/, /e/, /ɛ/. Ví dụ: Bento Thiện viết: *cha gẻ*, 257' (cha ghẻ). A.de Rhodes dùng các con chữ *g, gh*, ví dụ: *gà, ɸợ* chẫu ghen nhau (vợ chồng ghen nhau).

3.2. So sánh con chữ ghi âm đệm và cách ghép vần

Tiếng Việt hiện nay có hai âm đệm là /-u-/ viết bằng *o* và *u* và âm đệm zero không dùng con chữ. Hai ông Văn Tín và Bento Thiện cũng dùng các con chữ giống chúng ta hiện nay. Ví dụ: Văn Tín viết: *d oạn liên sinh thì*, 247 (đoạn liên sinh thì); *chung nhaõ làm quan*, 247 (chung nhau làm quan (đám ma)). Bento Thiện viết: *quảng teĩ*, 246 (Quảng Tây); *chú lām quan đ ại thần nhà Lí*, 255; *Bua chieu hoāng*, 255 (vua Chiêu Hoàng), v.v.. Tuy nhiên khi sử dụng thì có khi dùng khác chúng ta hiện nay. Ví dụ: Văn Tín viết: *vuáng thài*, 247 (vắng thầy); *câu quịen* (cầu quyện = cầu nguyện). Bento Thiện viết: *Khuáy chu phủ*, 258' (Khoái Chu phủ); *fức Khuẻ*, 259' (sức khỏe). A.de Rhodes, 1651 [4] dùng các con chữ: *õ, u*. Ví dụ: *thấp thỏang*; *đi thốt thốt*; *quay đầu*, v.v..

3.3. So sánh con chữ ghi nguyên âm và cách ghép vần

Hiện nay tiếng Việt có 16 nguyên âm. Trong các văn bản chữ Quốc ngữ 1659 đang xét có 7 âm vị có

con chữ viết giống hiện nay (ở cả hai tác giả). Đó là các âm vị: /i/, /ɛ/, /u/, /a/, /u/, /ɔ/, /ɔ/. Còn lại 9 âm vị có khi viết giống, có khi viết khác, phần lớn là bỏ mất dấu mũ khi viết, có lẽ là vì viết tay nên họ viết không cẩn thận lắm. Sau đây là những âm vị có khi viết khác đó:

(1) Âm vị /e/:

Hiện nay ta viết là: ê, Ê, ê, Ê. Văn Tín viết bằng con chữ: *ê, e*. Ví dụ: *vê*, 247 (về); *d ến*, 247; *vê*, 247 (về); *ben ấi*, 247 (bên ấy), v.v. Bento Thiện cũng viết là: *ê, e*. Ví dụ: *về Macao*, 246; *ngày Lễ*, 246 (ngày lễ); *bên ấi*, 246 (bên ấy); *tlước hết*, 254 (trước hết); *hai ben*, 257' (hai bên). A.de Rhodes, 1651 [4] dùng chữ *ê* (âm tốt hơn *e*). Ví dụ: *ê chên* (ê chân), *đau chên* (đau chân).

(2) Âm vị /ɛ/:

Hiện nay ta viết bằng con chữ *a, ɑ*. Ví dụ: *khanh khách / Khanh Khách*. Văn Tín viết bằng con chữ *a*. Ví dụ: *lãnh*, 247, *anh*, 247, v.v.. Bento Thiện viết bằng các con chữ: *a, e*. Ví dụ: *d ánh*, 255; *anh*, 257; *Khéc nhã B. d i raũ ai mệnh thì d i d ánh giạch cho Bua*, 254 (Khách nhà vua đi rao ai mệnh thì đi đánh giặc cho vua); *Khénh thọ*, 257 (Khánh thọ); *mệnh khuẻ*, 256 (mạnh khỏe); *doan Khénh*, 256 (Đoan Khánh); *jếch*, 256', 258, (sách); *fạch jẽ*, 257' (sạch sẽ). A.de Rhodes, 1651 [4] dùng con chữ *a*. Ví dụ: *ách* (nạn); *anh em*; *đề dềanh* (đề dành); *đánh*, v.v..

(3) Âm vị /ie/:

Hiện nay ta viết bằng 4 con chữ: *iê, yê, ia, ya*. Văn Tín viết bằng các con chữ: *iê, ie, ie, e*. Ví dụ: *liên*, 247 (liên); *biết*, 247 (biết); *liên*, 247 (liên); *on thài xưa đai òo tōy nheũ d ang*, 247 (ơn thầy xưa dạy dỗ tôi nhiều đàng), v.v.. Bento Thiện viết bằng các con chữ: *iê, ie, ia*. Ví dụ: *thiên hạ*, 255; *biết*, 246 (biết); *huiện*, 259 (huyện); *chức riàng*, 259 (chức riêng); *ngĩa*, 258 (nghĩa).

Như vậy, cả Văn Tín và Bento Thiện đều không dùng hai con chữ *yê* và *ya* khi đứng sau âm đệm /-u-/ như ngày nay (*khuyên, khuya*).

A.de Rhodes, 1651 [4] dùng các con chữ: iê, ie, ia, ye, ya. Ví dụ: điéc, chiéc, quiên, quiên sách, chia, chuién, tuyền, khuya.

(4) Âm vị /ơ/:

Hiện nay ta viết bằng chữ ơ. Văn Tín viết bằng các chữ: ơ, o. Ví dụ: *on*, 247; *ở*, 247; *mơy*, 247 (lời nói); *bên đơy*, 247 (bên đời). Bento Thiện viết bằng con chữ ơ. Ví dụ: *noy*, 246 (nơi); *on*, 246; *mơu*, 246 (lời nói); *ơ*, 255 (vợ). A.de Rhodes, 1651 [4] dùng con chữ: ơ. Ví dụ: *ơ*, ở nhà, bú móm.

(5) Âm vị /ơ/:

Hiện nay ta dùng con chữ â, ă. Văn Tín dùng các con chữ: â, a, ei. Ví dụ: *bên ấ*, 247 (bên ấy); *ở gần thài*, 247 (ở gần thầy); *ấ lă*, 247 (ấy là); *tềi Khoû*, 247 (trầy khỏi). Bento Thiện dùng các con chữ: â, eĩ, ẽi. Ví dụ: *năi*, 246 (này); *thây*, 246 (thầy); *bên ấ*, 246 (bên ấy); *tềi về*, 246 (trầy về); *d ể lại d ể*, 246 (để lại đây); *fan teĩ xư*, 259' (San Tây xứ); *d ánh d ầu d ược d ể*, 256' (đánh đầu được đấy), v.v..

Lưu ý: Những trường hợp viết là ẽi hay ẽi đúng ra phải xếp ở âm vị /e/ thì đúng hơn vì ngày xưa (1659) người ta nghe những từ này thấy giống /e/: ẽi chứ không giống /ơ/: â, nhưng do chúng tôi lấy chuẩn để so sánh là hệ thống âm vị hiện nay nên tạm đưa vào đối chiếu với âm vị /ơ/ ở đây. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng con chữ: â, ê. Ví dụ: *âu lo*, *đất*, *dưa hấu*, *đêy* (đây), *đêy* (đây).

(6) Âm vị /ă/:

Hiện ta dùng hai con chữ là: ă, ă và a, a để ghi âm vị này. Âm /ă/ được viết là a khi đứng sau là chữ y. Ví dụ: *may*, *tay*, *hay*, *nay*. Văn Tín và Bento Thiện dùng hai con chữ là ă và a để ghi âm vị /ă/. Chữ a được dùng để ghi /ă/ khi đứng sau là chữ i, ư. Ví dụ: Văn Tín: *chàng hai*, 247 (chẳng hay); *cua chặi lên rừng*, 247 (vua chạy lên rừng), v.v.. Bento Thiện viết: *ngài faũ chúa Tiên ra d ánh xứ teĩ*, 256' (ngày sau chúa Tiên ra đánh xứ Tây); *con chấu*, 256' (con cháu), v.v.. Nếu là i, y, u đứng cuối thì nguyên âm /a/ đứng trước là âm /a/ dài. Ví dụ: *hay*, 247 (hai); *ở lay*, 247 (ở lại); *nóy*, 247 (nói); *tôy*

phải làm một hai mớy fang lại on thài, 246 (tôi phải làm một hai lời sang lay ơn thầy), v.v.. Cũng có nhiều từ hai tác giả này viết thiếu dấu mũ (sai chính tả). Ví dụ: *uóc rãng*, 247 (uóc rãng); *chàng có tềi ve*, 247 (chàng có trầy về). A.de Rhodes, 1651 [4] dùng con chữ: ă, a. Ví dụ: *ăn*, *đặt tên*, *đau*, *thay*, v.v..

(7) Âm vị /ươ/:

Hiện nay ta dùng các con chữ: ươ, ươ, ươ, ươ để ghi âm vị này. Chữ ươ đứng giữa âm tiết, ươ đứng cuối âm tiết. Văn Tín dùng các con chữ sau: ươ, ươ, ươ, ươ. Ví dụ: *d ược*, 247; *tươc*, 247 (trước); *phuong khác*, 247 (phương khác); *oũ chuông ming*, 247 (ông chường Minh), *nguoỹ*, 247 (người); *uóc au*, 247 (uóc ao); *xua*, 247. Bento Thiện dùng các con chữ sau: ươ, ươ, ươ. Ví dụ: *gướy*, 246 (gửi); *mươu ngầi*, 246 (mười ngày); *tươc hết*, 254 (trước hết); *ăn cướf*, 257' (ăn cướf); *uóc au*, 246 (uóc ao); *chủa biết*, 246 (chủa biết); *xua*, 246; *ươ ươ*, 246 (vừa vừa), v.v.. Xem ra hai con chữ khác (ươ, ươ) là do viết thiếu dấu phụ, tức là mắc lỗi chính tả. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng các con chữ: ươ, ươ. Ví dụ: *đươg* (đàng), *đưa*.

(8) Âm vị /ô/:

Hiện nay ta dùng chữ ô để ghi âm vị này. Văn Tín dùng chữ ô, o. Ví dụ: *tôy*, 247 (tôi); *tôy*, 247 (tôi); *oũ* (ông), v.v.. Bento Thiện dùng chữ ô, o. Ví dụ: *một*, 254; *bốn năm*, 255 (bốn năm); *oũ*, 256' (ông). A.de Rhodes, 1651 [4] dùng con chữ: ô, o. Ví dụ: *đôn*, *tiếng đôn*, *đoũ*, *mùa đoũ* (mùa đông).

(9) Âm vị /ươ/:

Hiện nay ta dùng các con chữ uô, uô, ươ, ươ. Chữ uô đứng giữa âm tiết (cuốn sách), chữ ươ đứng cuối âm tiết (con cua). Văn Tín dùng hai con chữ: uô và ươ. Ví dụ: *muốn*, 247; *buồn*, 247 (buồn); *d* . *Chúa*, 247; *bua*, 247 (vua); *cua*, 247 (vua). Bento Thiện dùng các con chữ: uô, ươ, ươ, ươ. Ví dụ: *bốn muôn*, 256; *buôn lăm*, 246 (buồn lăm); *làm ruộng*, 256 (làm ruộng); *mừng tuoy*, 257 (mừng tuổi); *ăn uoy*, 257 (ăn uoi); *Bua*, 246 (vua); *d ược muā*, 255.

A.de Rhodes, 1651 [4] dùng con chữ: uô, ua. Ví dụ: cuông, cuông đại, cua, của. v.v..

3.4. So sánh con chữ ghi âm cuối và cách ghép vần

Hiện nay tiếng Việt có 9 âm vị làm âm cuối. Trong các văn bản chữ Quốc ngữ của Văn Tín và Bento Thiện, ta thấy cũng thể hiện 9 âm vị như hiện nay, trong đó có 4 âm vị có con chữ và cách viết giống hiện nay, đó là: /-t/, /-m/, /-n/, /zero/ còn 5 âm vị có thêm những con chữ khác nữa hoặc cách ghép vần khác hiện nay, đó là: /-p/, /-k/, /-ŋ/, /-ɸ/, /-j/. Sau đây là những âm vị có chữ viết khác:

(1) Âm vị /-p/:

Hiện nay chúng ta dùng con chữ **p**, để ghi âm vị này. Văn Tín dùng con chữ **p** để ghi âm vị này. Ví dụ: *ráp cậi thài*, 247 (ráp cây thầy). Bento Thiện dùng con chữ **f**. Ví dụ: *ngrief*, 246 (nghịch); *chéf*, 246 (chép); *phéf*, 255, 257' (phép), v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng con chữ: **p**. Ví dụ: ngáp, ngập, thấp, v.v.

(2) Âm vị /-k/:

Hiện nay chúng ta dùng các con chữ **c**, **ch** (ch dùng sau các con chữ ghi nguyên âm dòng trước là: i, ê, a /ê/). Ví dụ: ích, êch, ách. Văn Tín cũng dùng các con chữ **c**, **ch** và có cách viết giống ta hiện nay. Ví dụ: *xác*, 247; *các*, 247; *giác*, 247. Bento Thiện cũng dùng **c**, **ch** nhưng có từ lại viết khác hiện nay. Ví dụ: *d ánh được giách ấy*, 255 (đánh được giặc ấy). A.de Rhodes, 1651 [4] dùng các con chữ: **c**, **ch**. Ví dụ: bạc râu, bạch đức thái cả.

(3) Âm vị /-ŋ/:

Hiện nay ta dùng các con chữ: **ng**, **nh** để ghi âm cuối /-ŋ/. Chữ **nh** dùng sau các con chữ ghi nguyên âm dòng trước i, ê, a /ê/. Ví dụ: linh, lênh, lanh. Văn Tín cũng dùng **ng**, **nh** nhưng ở một số từ thì có cách viết khác chúng ta hiện nay. Ví dụ: *muōy hay thánh chính*, 247' (mười hai tháng chín). Bento Thiện dùng **ng**, **nh** và viết giống chúng ta hiện nay. A.de Rhodes, 1651 [4] viết **ng**, **nh**. Ví dụ: chim vàng anh.

(4) Âm vị /-ɸ/:

Hiện nay chúng ta dùng các con chữ **u**, **o** để ghi âm cuối này. Chữ **u** dùng sau nguyên âm ngắn, ví dụ: cau; chữ **o** dùng sau nguyên âm dài, ví dụ: cao. Văn Tín dùng các con chữ sau: **u**, **ũ** (sau a), **ố** (sau a), **ố** (sau a), **o**. Ví dụ: *chịu*, 247; *uóc au*, 247 (uóc ao); *biết lām fāu d uóc*, 247 (biết làm sao được); *nheũ*, 247 (nhiều); *d āu d ón*, 247 (đau đốn); *taũ tlei vē*, 247 (tàu trảy về); *nam fāũ*, 247 (năm sau); *cāng tloũ nhớ thài*, 247 (càng trông nhớ thầy); *oũ chương Ming*, 247 (ông chương Minh); *oũ aấ*, 247 (ông ấy); *chung nhaố*, 247 (chung nhau); *xaố*, 247 (xong); *tlaố ấ*, 247 (trong ấy); *fāố le*, 247 (song le); *theo thài*, 247 (theo thầy). Bento Thiện dùng các con chữ sau: **u**, **ũ**, **ố**, **o**. Ví dụ: *uóc au*, 246 (uóc ao); *chịu khó*, 246; *ieu*, 246 (yêu); *chāng dām d āũ*, 246 (chẳng dám đâu); *cāũ cho thài*, 246' (cầu cho thầy); *vē fāũ*, 256; *chôũ*, 255 (chồng); *Hồũ ninh*, 256 (Hồng Ninh); *oũ hương cuộc Cōũ*, 256 (ông hương cuộc Công); *oũ bà oũ cāĩ*, 257 (ông bà ông vãi); *d ạo*, 246 (đạo); *cāo ban ngāĩ*, 246 (vào ban ngày); *tra cāo fēch*, 256' (tra vào sách); v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng các con chữ sau để ghi /- ɸ /: **u**, **ố**, **o**. Ví dụ: cau, câu cá, oũ nghệ (ông nghệ), ngư ốu (ngư ông), cao, con cáo, v.v..

(5) Âm vị /-j/:

Hiện nay ta dùng các con chữ: **i**, **ĩ**, **y**, **ỹ** để ghi âm /- j /: cuối này. Chữ **i** sau nguyên âm dài, chữ **y** sau nguyên âm ngắn. Ví dụ: mai, may, tai, tay, v.v.. Văn Tín dùng các con chữ: **ĩ**, **y**. Ví dụ: *Lại ơm*, 247 (lạy ơm); *thài tlei vē Khoy*, 247 (thầy trảy về khỏi); *cāĩ*, 247 (vây); *chāng hāĩ*, 247 (chẳng hay); *ngai fāũ*, 247 (ngày sau); *hay thài*, 247 (hai thầy); *ở lạy*, 247 (ở lại); *nóy*, 247 (nói); *tōy*, 247 (tôi); *hāy nam*, 247 (Hải Nam), v.v.. Bento Thiện dùng các con chữ sau: **i**, **ĩ**, **y**, **ỹ**. Ví dụ: *hai*, 246; *lại nóy lại cho thài*, 246 (lại nói lại cho thầy); *hāĩ chāng*, 246 (hay chẳng); *rāĩ*, 246 (rày); *gā gāĩ*, 246 (gà gáy); *fāng d ẽĩ*, 246 (sang đây); *d ến nōy*, 246 (đến nơi); *tōy*, 246 (tôi); *gưỹ*, 246 (gửi); *ay*, 246 (ai); *młỹ*, 246 (lời); *giāy tội*, 246 (giải tội); *rōũ*, 246 (ròi); *mưỹ*, 255 (mười); *chē cươỹ*, 255 (chê cười); *choy bōỹ*, 256

(chơi bời); *blay gái*, 256 (trai gái); *bên ấy*, 246 (bên ấy), v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng các con chữ: i, y. Chữ y dùng khi nào là nhị trùng âm mà vẫn tách biệt. Ví dụ: ai, bây giờ, éy (ấy).

3.5. So sánh thanh điệu

Hiện nay tiếng Việt dùng 6 dấu thanh điệu: ngang, huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng. Văn Tín và Bento Thiện dùng 5 dấu thanh vì hai thanh: hỏi và ngã viết giống nhau là ' (hỏi). Chẳng hạn, Văn Tín viết: *d á*, 247 (đã); *Khóy*, 247 (khỏi); *jẽ*, 247 (sẽ); *Kẻ có toy*, 247 (kẻ có tội), v.v.. Bento Thiện viết: *gườy*, 246 (gười); *Kẻ thì giữ Kẻ thì bỏ*, 246 (kẻ thì giữ kẻ thì bỏ); *đạy đố*, 246 (dạy dỗ), v.v.. A.de Rhodes, 1651 [4] dùng 6 dấu thanh như hiện nay.

3.6. Các dấu phụ

Văn Tín và Bento Thiện dùng các dấu phụ như dấu hai chấm ở trên âm cuối để chỉ nhị trùng âm (thực ra không phải là nhị trùng âm) i, ü; dấu nửa vòng cung ở trên âm cuối ư, ơ để chỉ âm mũi. A.de Rhodes, 1651 [4] không dùng dấu hai chấm trên âm cuối nhưng vẫn dùng dấu nửa vòng cung để chỉ âm mũi. Ví dụ: ơ (ông).

3.7. Dấu câu và viết hoa

Văn Tín và Bento Thiện rất ít khi đánh dấu câu, sau dấu chấm thường không viết hoa. A.de Rhodes dùng dấu chấm câu cẩn thận hơn.

4. Nhận xét

(1) Cả Igesico Văn Tín và Bento Thiện đều viết rời từng âm tiết, không dùng dấu ngang nối giữa các tiếng trong từ ghép, từ phiên âm nước ngoài. Cách viết của hai người này dễ đọc hơn cách viết của A.de Rhodes, 1651 [4] vì sau âm đầu không có những con chữ như e (bán nguyên âm) như trong những từ: *bếao* (vào), *cũi dề* (cũi dê), *dẻo sác* (dao sắc), *dễam nước* (đầm nước), *dễa lợn* (da lợn); không dùng dấu ngắn trên âm đệm /-o-/ như trong những từ: *khõe* (khoe), *khõang* (chim khõang cổ); không dùng chữ ơ (âm đệm), trước â như trong các từ: *khoắt gió* (khuất gió) đặc biệt không thấy có những từ khó đọc như: *khõey*, *lâm cho khõey* (lâm cho khỏe), v.v..

So với cách viết chữ hiện nay thì cách viết của Văn Tín và Bento Thiện còn nhiều nhược điểm như đã nêu ở phần trước, đó là: (1) Ghép khác bây giờ: *khuáy chu phủ*, 258' (Khoái Chu Phủ); *mệnh Khué*, 256 (mạnh khỏe); *Khénh thợ bảo thần*, 257 (Khánh thợ bảo thần); *vuáng thầy*, 247 (vướng thầy), v.v..

(2) Ghép chữ sai do xác định âm vị sai. Chẳng hạn: *cuôn* (quân), *trăm cuôn*, 256 (trăm quân); *lạc lảo cuôn*, 254 (Lạc Long Quân), v.v..

(3) Vì con chữ khác nên khi ghép cũng thấy khác. Chẳng hạn, chúng tôi không thấy con chữ “gh” trong các văn bản của Văn Tín và Bento Thiện nên khi đứng trước các nguyên âm dòng trước là /i/, /e/, /ê/ họ cũng chỉ ghi là g, ví dụ: *cha gẻ*, 257'. Hiện nay sau nguyên âm dài ta dùng chữ i còn sau nguyên âm ngắn ta dùng chữ y. Văn Tín và Bento Thiện dùng chữ y sau cả nguyên âm dài. Ví dụ: *khory*.

(4) Vì xác định âm vị khác hiện nay nên Văn Tín, Bento Thiện, A.de Rhodes cũng viết chữ khác hiện nay. Chẳng hạn: *ơ* (ông). Hiện nay ta xác định sau o là /-ŋ/ cho nên viết là “ông”.

(5) Có lẽ là do viết tay cho nên hai ông viết không nhất quán, ví dụ: *có aý d ánh d uọc giạch ấy thì Bả ái lăm châu*, 255 (có ai đánh được giặc ấy thì bà lấy làm chồng), v.v. Khi viết chữ thì có khi dùng kiểu chữ viết tay thường, có khi dùng kiểu chữ in (xin xem phần trước). Có những chữ từ đầu đến cuối hai tác giả chỉ dùng kiểu chữ in, đó là chữ r và k.

(6) Qua cách viết chữ Quốc ngữ của hai người Việt Nam vào năm 1659, ta thấy các nhà làm chữ Quốc ngữ đã xác định hệ thống âm vị tiếng Việt gần giống với hiện nay. Đáng chú ý nhất là trường hợp con chữ a trong những vần như anh, ách, bây giờ ta xác định là âm /ê/ nhưng ngay từ thời 1659, người ta đã có khi xác định là /e/ và viết bằng chữ “e” trong một số từ như đã nêu (*tra gào jếch*, 256' (tra vào sách); *Khénh thợ bảo thần*, 257 (Khánh Thợ Bảo Thần); *Nam jếch phủ*, 258' (Nam Sách Phủ), v.v.).

(7) Có những dấu phụ hiện nay không dùng, như dấu mũi ỉ, ố; dấu hai chấm trên ỉ, ỷ.

5. Kết luận

Khảo sát các văn bản chữ Quốc ngữ của hai người Việt Nam vào năm 1659, chúng tôi nhận thấy: (1) Có một số con chữ khác hiện nay. Qua một số con chữ viết khác hiện nay như bl, tl, ml có thể giả thuyết vào thời kỳ đó 1659 ở Việt Nam có những tổ hợp phụ âm kép. Trường hợp cùng một nghĩa mà có hai cách viết (ở cùng một người – Bento Thiện) như trường hợp *tlâu*, 254' và *trâu*, 257' cho thấy lúc đó một từ có hai cách phát âm.

Việc có phải [tl] chuyển thành [tr] hay không thì chúng tôi không biết được. (2) Cách ghép các con chữ thành chữ (âm tiết) phần lớn giống hiện nay. Những chữ ghép sai là do thời đó chưa xác định đúng âm vị, như: *cuôn* (quân), hay chưa qui định chặt chẽ cách dùng (sự phân bố) của các con chữ, chẳng hạn: y cũng đặt sau nguyên âm dài như *tlên nuy*, 255' (trên núi); *d ể tóc ðày* (để tóc dài). (3) Con chữ như J, j chỉ dùng cho tên nước ngoài, con chữ f dùng cho cả từ thường. Không thấy con chữ z và w.

Comparision of the letters of the alphabet and its usage in some of Vietnamese's 1659 handwriting with those in the present time

- **Nguyen Huu Chuong**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACTS:

The paper focuses on the letters of the alphabet, its usage, marks for tones as well as other marks in the 1659 manuscripts by Igesico Văn Tín and Bento Thiện. The manuscripts are: (1) The 1659 letter by Igesico Văn Tín sent to catholic priest F.G. Marini; (2) The 1659 letter by Bento Thiện sent to catholic priest F.G. Marini; and (3) The text "The history of Annam" by Bento Thiện.

There are differences between the letter system of the alphabet, its usage, marks for tones and other marks in the 1659 manuscripts with the present-day manuscripts. The cause resulting in these differences lies in the system of phonemes in the past; the choosing of the alphabet letters and marks is also different.

Key words: letters of the alphabet, marks for tones, other marks.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đỗ Quang Chính (1972), *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620 – 1659*, Sài Gòn.
- [2]. Roland Jacques (2007), *Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ học*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [3]. Hoàng Phê (chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội – Việt Nam.
- [4]. A.de Rhodes (1991), *Từ điển Annam_Lusitan_Latinh* (Thường gọi Từ điển Việt – Bồ - La), phiên dịch: Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính, Nxb Khoa học Xã hội.
- [5]. Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội
- [6]. Trung tâm Biên soạn Sách Cải cách Giáo dục và Viện Ngôn ngữ học Việt Nam (1984), *Chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ*, Nxb Giáo dục.
- [7]. Viện Ngôn ngữ học – Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1979), *Tạp chí Ngôn ngữ số 3-4-1979* (Số đặc biệt về chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ khoa học).